TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2020
Về việc ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn quan hệ nhân: Năm 2011, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh T kết hôn, có đăng ký kết hôn, nhưng năm 2017 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến

năm 2018, bà H và ông T về chung sống lại với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D ngày 17/7/2018. Vợ, chồng sống cùng với cha, mẹ ông T tại: Tổ A, Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến khoảng tháng 7/2019 thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cải vả, dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà H và ông T đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Nay bà H nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông T.

Về con chung: Trước khi kết hôn lại lần thứ hai, bà H và ông T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Linh A, sinh ngày 01/10/2012 và Lê Nguyễn Linh C, sinh ngày 10/8/2015. Từ ngày bà H và ông T trở lại sống chung và kết hôn lại thì không có thêm con chung. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giao cháu A và cháu C cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Nay, bà H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo đó yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Minh T vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông Lê Minh T đến Tòa án để làm việc, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản gửi cho Tòa án nêu ý kiến về nội dung vụ án, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án là chưa chấp hành pháp luật nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Minh T. Về con chung, đề nghị giao các cháu Lê Nguyễn Linh A và Lê Nguyễn Linh C cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Lê Minh T có nơi cư trú tại xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lê Minh T và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm ngày 24/9/2020 và ngày 15/10/2020, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn lại lần thứ hai, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H và ông T được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung:*

Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của bà H thấy rằng: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giao cháu Lê Nguyễn Linh A, sinh ngày 01/10/2012 và Lê Nguyễn Linh C, sinh ngày 10/8/2015 cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Năm 2018, bà H và ông T trở lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại ngày 17/7/2018 và không có thêm con chung. Từ khi vợ chồng ly thân thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung (BL 30), đồng thời cháu A có nguyện vọng được ở với bà H nếu bà H và ông T ly hôn, vì vậy giao cháu A và cháu C cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung:* Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 và khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Minh T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Nguyễn Linh A, sinh ngày 01/10/2012 và Lê Nguyễn Linh C, sinh ngày 10/8/2015 cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001392 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Duy